TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 10-8-2022
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Quang Hoạch.

2. Ông Tạ Văn Đài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sùng A Tình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 466/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987.
HKTT và nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983.
HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.
Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S, huyện T, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn, đã được UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn kéo dài cho đến năm 2018 thì bà và ông Đ không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên bà và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

Đ được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình Phương T, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 19/5/2011. Khi ly hôn bà và ông Đ đã thỏa thuận được thống nhất như sau: bà trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình Phương T; ông Đ sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá Th. Tạm thời các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện kết hôn, đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/01/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Mâu thuẫn kéo dài cho đến năm 2018 thì ông và bà T không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên ông và bà T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình Phương T, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 19/5/2011. Khi ly hôn ông đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bá Th, giao cháu Nguyễn Bình Phương T cho bà T trực tiếp nuôi dương. Tạm thời các bên sẽ không có nghĩa cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T. Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Bà T và ông Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Bình Phương T, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 19/5/2011. Giao cháu Nguyễn Bình Phương T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bá Th cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời các bên sẽ không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Đương sự khai không có.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà T phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình làm việc cả bà T và ông Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà T và ông Đ xác định vợ chồng có mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống và đã sống ly thân với nhau từ năm 2018 đến nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn thì ông Đ đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập các bên để hòa giải đoàn tụ nhưng đều các bên đều xin vắng mặt, thể hiện sự không tích cực phối hợp trong việc giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn quan hệ vợ chồng. Điều này chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T được chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà T và ông Đ 02 con chung là cháu Nguyễn Bình Phương T, sinh ngày 03/02/2010 và cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 19/5/2011. Ly hôn bà T và ông Đ đều thống nhất giao cháu Nguyễn Bình Phương T cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bá Th cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng đúng với nguyện vọng của cháu Trang và cháu Th. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là phù hợp, không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao cháu Nguyễn Bình Phương T cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Bá Th cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà T và ông Đ không có yêu cầu nên tạm thời các bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Bà T và ông Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình Phương T, sinh ngày 03/02/2010 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Nguyễn Bá Th, sinh ngày 19/5/2011 cho ông Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Tạm thời bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà T và ông Đ khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại biên lai thu số 0001025 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo đúng quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy CNKH số 02/2009 ngày 13/01/2009);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tâm